TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST Ngày: 15/01/2024 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Việt Hòa**.

Bà **Vũ Thị Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 461/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H**,** sinh ngày 14/02/1998,

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T**,** sinh ngày 18/8/1996,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 26/8/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng được khoảng 2 năm thì vợ chồng cùng sang lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc, thua lỗ, nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm, nhiều lần anh T chửi bới, đánh đập nên chị đã liên lạc về cho gia đình hai bên để khuyên bảo anh T nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn sau đó anh lại chứng nào tật ấy. Chị chán nản nên đã về nước và về nhà bố mẹ đẻ ở, hiện anh T vẫn đang lao động ở Hàn Quốc, vợ chồng không quan tâm và rất ít liên lạc với nhau, nếu có cũng chỉ trao đổi về vấn đề con cái. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh H1, sinh ngày 05/6/2016, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty M, địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Thu nhập bình quân 7.000.000 - 10.000.000đ/tháng. Bố mẹ hỗ trợ chị chăm sóc con mỗi khi chị bận công việc. Chị đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị N (là bố, mẹ đẻ anh T) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, anh T biết chị H có đơn xin ly hôn nhưng không trình bày quan điểm vì cho rằng chị H không thông báo việc làm đơn xin ly hôn cho anh biết. Trường hợp Tòa án vẫn giải quyết cho ly hôn thì anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Trần Khánh H1 cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tài sản chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông Đ, bà N trình bày quá trình chung sống vợ chồng có thời gian cùng đi lao động tại Hàn Quốc, hiện chị H đã về nước nhưng chỉ về gia đình

ông bà được một ngày thì cho rằng vợ chồng không hợp nhau nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T và gia đình khuyên bảo nhưng chị H không nghe. Nay chị H có đơn xin ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh T sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương được một thời gian ngắn thì anh chị cùng đi lao động ở nước ngoài. Từ khi đi cho đến nay anh T chưa về nước, còn chị H đã về nước nhưng không ở gia đình nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng mỗi người sống một nơi. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị H và anh T là cháu Trần Khánh H1 có nguyện vọng được ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn T. Về con chung: Giao con chung Trần Khánh H1, sinh ngày 05/6/2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ, bà N là bố mẹ anh T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ông Đ, bà N vẫn liên lạc với anh T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T. Tại phiên tòa chị H vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 26/8/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì anh chị đi lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng chung sống được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T không chịu khó làm ăn dẫn đến nợ nần, vợ chồng hay xảy ra cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau. Gia đình hai bên khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Giữa năm 2023 chị H về nước nhưng không sống tại gia đình nhà chồng. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T đã biết chị H có đơn xin ly hôn nhưng anh không thể hiện quan điểm. Điều đó chứng tỏ anh không mong muốn đoàn tụ và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trên thực tế vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T có 01 con chung là Trần Khánh H1, sinh ngày 05/6/2016. Chị H và anh T cùng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện con đang ở với chị H ổn định, con chung Trần Khánh H1 có nguyện vọng được ở với chị H. Chị H có thu nhập, có chỗ ở ổn định và được gia đình hỗ trợ chăm sóc con chung. Anh T không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị H giao con chung Trần Khánh H1 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu có căn cứ cho rằng chị H không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh T có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Khánh H1, sinh ngày 05/6/2016 cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001276 ngày 24/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN

Nguyễn Xuân Trường